

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Huỳnh Ngọc Trứ;
2. Ông Lê Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Hồ Thị Thùy L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Dương Trọng N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Chị L có mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 3 năm 2022, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Hồ Thị Thùy L trình bày:

Tôi và anh Dương Trọng N tổ chức đám cưới và bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2008 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ năm 2018 đến nay, tôi và anh N thường xuyên cự cãi, dẫn đến cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Ông N là người chồng có gia trưởng, thường xuyên đánh

đập tôi và các con. Tôi và anh N đã ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm gia đình không còn, gia đình và vợ chồng không hòa giải hàn gắn được nữa. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu không công nhận vợ quan hệ vợ chồng giữa tôi với anh Dương Trọng N.

- Về con chung: Có 02 con chung là Dương Hồ Thảo V, sinh ngày 12/12/2008 và Dương Hồ Thảo D, sinh ngày 04/7/2013. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung. Tôi không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 25 tháng 7 năm 2022 và ngày 15 tháng 8 năm 2022 cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Dương Trọng N trình bày:

Tôi và chị L bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2007, tôi và L không có tổ chức đám cưới, chúng tôi có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Đông. Lúc chung sống, chị L có một lần ăn nhậu say xỉn thì tôi có đến tận nơi và kéo chị L về nhà, khi về tới nhà tôi có nóng giận đánh vài bạt tay với chị L, sau lần đó thì tôi không có hành vi bạo lực với chị L lần nào nữa; cháu Thảo Vy xuống phòng trọ L ở tỉnh Long An và chị L để cháu Vy ở phòng trọ một mình, tôi phải xuống rước cháu Vy về nhà, từ lúc đó chị L bỏ nhà đi cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị L tại Tòa án, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn với chị L do tôi còn thương vợ và muốn các con có một gia đình đầy đủ cha mẹ, để chăm sóc cho các con tốt hơn.

- Về con chung: Tôi thống nhất như chị L đã trình bày là có 02 con chung. Do tôi không đồng ý ly hôn nên tôi không đồng ý đối với yêu cầu giao hai con cho chị L nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Hồ Thị Thùy L vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Dương Trọng N vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định pháp luật. Các đương sự, Luật sư chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Dương Trọng N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228

của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Anh Dương Trọng N giao nộp 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Đông cấp ngày 15/11/2010 xác định giữa anh và chị L chung sống có đăng ký kết hôn.

- Tại phiên tòa chị Hồ Thị Thùy L xác định giữa chị và anh N chung sống không có đăng ký kết hôn, chữ ký “L” trong giấy chứng nhận kết hôn do anh N giao nộp không phải chữ ký của chị, chị không có cùng anh N đến Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Đông ký tên vào sổ đăng ký kết hôn.

- Khoản Điều 18 của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 Nghị định của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch (được thay thế bằng Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015) quy định:

“Khi đăng ký kết hôn, hai bên nam, nữ phải có mặt. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý kết hôn, thì cán bộ Tư pháp hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn. Hai bên nam, nữ ký vào Giấy chứng nhận kết hôn và Sổ đăng ký kết hôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho mỗi bên vợ, chồng một bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, giải thích cho hai bên về quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp theo yêu cầu của vợ, chồng.”

- Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Đông xác định giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Hồ Thị Thùy L và anh Dương Trọng N không có trong sổ lưu tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Đông.

Từ những tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp và Tòa án đã thu thập, đối chiếu với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: giữa chị Hồ Thị Thùy L và anh Dương Trọng N chung sống với nhau vào năm 2008 không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và Gia đình và pháp luật về hộ tịch nên việc kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn do anh Dương Trọng N giao nộp không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình; Vì vậy chị Hồ Thị Thùy L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị và anh Dương Trọng N là vợ chồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Giữa chị L và anh N có 02 con chung; cháu Dương Hồ Thảo Vy hiện đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Vy có bản khai xác định nguyện vọng được chung sống với chị L;

Kết quả xác minh xác định cháu Dương Hồ Thảo Duyên đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị L yêu cầu giao cháu V cho chị Trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung do các cháu đã sống ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị L là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: tại phiên tòa chị L chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con, anh N chưa có yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản Điều 18 của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 Nghị định của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch (được thay thế bằng Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015);

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Thùy L,

Không công nhận quan hệ giữa chị Hồ Thị Thùy L và anh Dương Trọng N là vợ chồng.

2. Con chung:

- Giao cháu Dương Hồ Thảo V, sinh ngày 12/12/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị L chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

- Giao cháu Dương Hồ Thảo D, sinh ngày 04/7/2013 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N chưa yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

- Chị L và anh N có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002436 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị L không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phúc thẩm.

Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Cai Lậy, TG;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy, TG;
- UBND xã Mỹ Hạnh Đông,;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Thị Ánh Tuyết